

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/DS-PT

Ngày: 07-4-2023

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15/3, 29/3 và 07/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thanh T** năm 1973; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Phan Thị Thảo Q** năm 1996, địa chỉ: **Tổ D, xã A, TP C, Đồng Tháp** (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **T1** sư **Mai T** – Công ty **L1** – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số B, QL C, phường M,

thành phố C, tỉnh Đồng Tháp(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc M năm 1976; Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Cao Minh T – Văn phòng L2– Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số B, đường N, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp(Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phan N T3sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2 sư Cao Minh T– Văn phòng Luật sư Chí CThuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ, địa chỉ: Số B, đường N, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

4. Người kháng cáo:

Bà Trần Thanh T3 nguyên đơn.

Bà Nguyễn Ngọc M2 bị đơn.

Ông Phan N T3là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và ý kiến trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy L bày: Chị T3 chủ thảo hụi, vợ chồng chị M3 T3tham gia chơi hụi của chị T4 nhiều dây hụi và nhiều phần. Chị M3 T3hót 40 dây hụi nhưng đóng lại hụi chết cho chị T5 đầy đủ.

Hiện nay chị M3 T3còn nợ tiền hụi đã hót của 40 dây hụi đã mãn hết gồm:

1. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 04/11/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3đã hót hết, còn nợ lại 07 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 07 kỳ) với số tiền 4.200.000đồng.

2. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 06/11/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3đã hót hết, còn nợ lại 07 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 07 kỳ) với số tiền 4.200.000đồng.

3. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 27/11/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 10 kỳ) với số tiền 6.000.000đồng.

4. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 11/01/2021 AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 14 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 14 kỳ) với số tiền 8.400.000đồng.

5. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 19/12/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 10 kỳ) với số tiền 6.000.000đồng.

6. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 20/12/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 15 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 15 kỳ) với số tiền 9.000.000đồng.

7. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 11/02/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 16 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 16 kỳ) với số tiền 9.600.000đồng.

8. Dây hụi 200.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 19/02/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 03 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 17 kỳ hụi chưa đóng (200.000đ x 3 phần x 17 kỳ) với số tiền 10.200.000đồng.

9. Dây hụi 500.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 08/11/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 05 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 02 phần x 05 kỳ) với số tiền 5.000.000đồng.

10. Dây hụi 500.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 28/11/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 10.000.000đồng.

11. Dây hụi 500.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 15/12/2020AL có 26 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 10.000.000đồng.

12. Dây hụi 500.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 22/01/2021AL có 26 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 16 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 02 phần x 16 kỳ) với số tiền 16.000.000đồng.

13. Dây hụi 500.000đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 02/02/2021AL có 26 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 15 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 02 phần x 15 kỳ) với số tiền 15.000.000đồng.

14. Dây hụi 1.000.000đồng/nửa tháng, bắt đầu khai ngày 15/7/2020AL có 24 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 09 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 09 kỳ) với số tiền 18.000.000đồng.

15. Dây hụi 500.000đồng/nửa tháng, bắt đầu khai ngày 29/10/2020AL có 24 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 02 phần x 12 kỳ) với số tiền 12.000.000đồng.

16. Dây hụi 500.000đồng/nửa tháng, bắt đầu khai ngày 13/10/2020AL có 24 phần, chị M4 gia 04 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 11 kỳ hụi chưa đóng (500.000đ x 04 phần x 11 kỳ) với số tiền 22.000.000đồng.

17. Dây hụi 1.000.000đồng/nửa tháng, bắt đầu khai ngày 14/11/2020AL có 24 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 14 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 14 kỳ) với số tiền 28.000.000đồng.

18. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 25/12/2019AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 03 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 03 kỳ) với số tiền 6.000.000đồng.

19. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 19/01/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 06 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 06 kỳ) với số tiền 12.000.000đồng.

20. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 08/02/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 04 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 04 kỳ) với số tiền 8.000.000đồng.

21. Dây hụi 5.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 10/3/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 08 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 08 kỳ) với số tiền 80.000.000đồng.

22. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 22/03/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết, còn nợ lại 06 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 06 kỳ) với số tiền 12.000.000đồng.

23. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 04/04/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 07 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 07 kỳ) với số tiền 14.000.000đồng.

24. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 18/04/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 20.000.000đồng.

25. Dây hụi 5.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 21/04/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (5.000.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 100.000.000đồng.

26. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 06/05/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 20.000.000đồng.

27. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 07/05/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 20.000.000đồng.

28. Dây hụi 5.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 26/06/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (5.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ) với số tiền 120.000.000đồng.

29. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 05/07/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 10 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 10 kỳ) với số tiền 20.000.000đồng.

30. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 20/07/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 11 kỳ hụi chưa đóng (2.000.000đ x 02 phần x 11 kỳ) với số tiền 44.000.000đồng.

31. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 13/8/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 11 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 11 kỳ) với số tiền 22.000.000đồng.

32. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 24/08/2020AL có 20 phần, chị **M4** gia 02 phần. Chị **M3** T3 đã hết hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ) với số tiền 24.000.000đồng.

33. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 03/09/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (2.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ) với số tiền 48.000.000đồng.

34. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 09/09/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ) với số tiền 24.000.000đồng.

35. Dây hụi 3.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 16/09/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (3.000.000đ x 02 phần x 12 kỳ) với số tiền 72.000.000đồng.

36. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 12/11/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 14 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 14 kỳ) với số tiền 28.000.000đồng.

37. Dây hụi 10.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 15/12/2020AL có 20 phần, chị M4 gia 01 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 12 kỳ hụi chưa đóng (10.000.000đ x 01 phần x 12 kỳ) với số tiền 120.000.000đồng.

38. Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 02/01/2021AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 17 kỳ hụi chưa đóng (2.000.000đ x 02 phần x 17 kỳ) với số tiền 68.000.000đồng.

39. Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, bắt đầu khai ngày 27/01/2021AL có 20 phần, chị M4 gia 02 phần. Chị M3 T3 đã hết hết, còn nợ lại 18 kỳ hụi chưa đóng (1.000.000đ x 02 phần x 18 kỳ) với số tiền 36.000.000đồng.

40. Dây hụi 200.000đồng/ngày cù 20 ngày với số tiền 4.000.000đồng.

- Tổng cộng số tiền hụi chết còn nợ lại là: 1.115.600.000đồng (một tỷ một trăm mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Đến thời điểm tháng 7/2022 thì tất cả 40 dây hụi trên đều đã mãn hụi, chị T6 đóng thay cho chị M5 phần hụi chết mà chị M6 nghĩa vụ phải đóng nêu trên.

- Chị T7 yêu cầu vợ chồng chị M3 T3 trả số tiền hụi còn nợ lại nhưng chị M3 T3 hứa hẹn nhiều lần và hứa trả dần nhưng chỉ trả cho chị T8 1.900.000đ. Từ ngày 19/5/2021al, chị M7 không đóng hụi chết cho chị T9 chị T10 cầu chị M8 anh T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T11 tiền là 1.113.700.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh Đ thì nguyên đơn đồng ý với kết luận giám định.

- Tại phiên tòa, do dây hụi cù 20 ngày chị M9 thừa nhận và không có ký tên vào biên nhận nhận tiền hụi nên chị T12 rút lại số tiền nợ hụi là 4.000.000đ của dây hụi này. Nay chị T10 cầu vợ chồng chị M3 T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T11 tiền nợ hụi là 1.109.700.000đ (một tỷ một trăm lẻ chín triệu bảy trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Chị Nguyễn Ngọc M10 bày: Chị M11 nhận có tham gia chơi hụi do chị T13 chủ hụi, tham gia bao nhiêu dây hụi, bao nhiêu phần thì chị M9 nhớ. Khi hốt hụi thì chị T7 làm biên nhận cho chị ký tên, nhận tiền hụi. Tuy nhiên, đối với dây hụi ngày 15/12/2020al, chị M12 tham gia chơi hụi 1.000.000đ, chứ không phải 10.000.000đ như chị T6 ghi trong biên nhận. Đối với biên nhận dây hụi này, do chị T14 cho chị ký tên, chị có ký tên nhưng chị không biết là tham gia chơi hụi 10.000.000đ nên chị M9 đồng ý trả số tiền nợ hụi của dây hụi 10.000.000đ này theo yêu cầu của chị T15 chỉ đồng ý trả số tiền nợ hụi của dây hụi là 1.000.000đ. Các biên nhận tiền hụi ngày 22/3/20220al; ngày 25/12/2019al; 08/02/2020al; 19/01/2020al; 18/4/2020al thì chị không có tham gia các dây hụi này, chữ ký trong biên nhận không phải là của chị và chị không có nhận tiền hụi. Tuy nhiên kết luận giám định là của chị thì chị không có ý kiến, cũng không yêu cầu giám định lại.

- Như vậy, chị M11 nhận có tham gia chơi hụi và có hốt hụi do chị T13 chủ hụi, nhưng sau khi hốt hụi thì chị M13 đóng hụi chết lại các dây trước đó. Tại phiên tòa, chị M11 nhận chỉ còn thiếu tiền hụi của chị T16 9 đến 10 triệu đồng (không nhớ dây hụi nào) nên không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của chị T3 1.109.700.000đ.

- Số tiền hốt hụi của chị T chị M14 vào việc làm vốn mua bán và đóng hụi lại, ngoài ra không dùng vào việc gì khác.

- Việc chị tham gia chơi hụi thì anh T3 không biết, anh T3 cũng không có nhận tiền hụi từ chị T chị M15 đồng ý cùng anh Trung liên đới trả nợ hụi cho chị T

- Chị M15 nhớ được ngày chị ngưng đóng hụi cho chị T18 nhớ khoảng thời gian dịch bệnh COVID 19 bùng phát (khoảng tháng 5/2021 âm lịch), bị giãn cách nên chị không mua bán được nên không có tiền đóng hụi.

- Anh **Phan N T3** trình bày: Việc chị **M16** hui với chị **T19** anh không biết, anh không có ký biên nhận tiền hui của chị TAnh T3 là người lo kinh tế gia đình. Chị **M17** hui không đem tiền về đưa cho anh nên anh không đồng ý liên đới cùng chị **M18** tiền nợ hui cho chị T

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thanh T20** với số tiền hui là 4.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị **Trần Thanh T21**

- Buộc chị **Nguyễn Ngọc M19** anh **Phan N T3** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Trần Thanh T22** tiền nợ hui còn thiếu là 836.800.000đ (Tám trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 06/10/2022, chị **Trần Thanh T23** cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **T24** chị **M19** anh T3 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị **T22** tiền nợ hui là 1.109.700.000 đồng.

- Ngày 11/10/2022, chị **Nguyễn Ngọc Mạnh Phan N1** T3 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý trả cho chị **T22** tiền hơn 800.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị **Phan Thị Thảo Q1** bày: Bà **T10** cầu xét buộc vợ chồng bà **M20** T3 trả số tiền 1.109.700.000đ.

+ Bà **Nguyễn Ngọc M21** đồng ý trả cho bà **T22** tiền 836.800.000đ, chỉ đồng ý trả cho bà **T22** tiền khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ.

+ Ông T3 trình bày: Yêu cầu sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của bà **T25** việc buộc ông liên đới trả nợ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được số kỳ nợ hui của từng dây hui. Theo bà T26 định đến ngày 19/5/2021 al thì bà M7 đóng hui, bà M22 thừa nhận. Do 2 bên có thống nhất được số dây hui tham gia, ngày khai hui cũng là ngày đóng tiền hui và thời gian ngưng đóng hui. Vì vậy dây hui nào đến ngày 19/5/2021 al đã mãn hui thì bà M21 có nghĩa vụ phải đóng hui. Những dây hui nào tính đến ngày 19/5/2021 al còn lại bao nhiêu kỳ khai hui chưa đóng thì bà M23 có nghĩa vụ đóng tiếp.

Căn cứ 39 dây hui thì xác định còn lại 34 dây hui bà M23 có nghĩa vụ trả cho bà T27 số tiền 836.800.000 đồng, bà T5 có thêm tài liệu chứng khác nên kháng cáo bà T5 có căn cứ

Bà Mkháng cáo cho rằng có tham gia chơi hui bà T13 chủ nhưng không nhớ bao nhiêu dây, dây nào, số tiền đóng còn lại nợ chết khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000 đồng nhưng không cấp tài liệu chứng cứ mới nên không chấp nhận kháng cáo của bà M

Đối với nghĩa vụ liên đới của ông T28 căn cứ chấp nhận vì bà M11 nhận tiền hót hui dùng mua bán, đóng hui lại, mục đích lo phục vụ đời sống kinh tế gia đình, ông T3nói thu nhập 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/1 tháng nhưng chỉ trình bày không gì chứng minh. Mặt khác ông T3thừa nhận có lần đến nhà bà T29 về việc bà M24 hui, cũng có lần bà T30 nhà yêu cầu ông T3ký biên nhận hui nhưng ông T3không ký, điều này chứng tỏ ông T3có biết sự việc này. Hiện nay cả 2 vẫn là vợ chồng hợp pháp, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc cùng liên đới trả nợ là phù hợp quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Tbà M25 ông T3giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T31 kiện yêu cầu bà M25 ông T32 (vợ chồng) liên đới trách nhiệm trả tiền hội, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Bà T33 kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Bà T33 quyền cho chị Phan Thị Thảo Q2 tục phù hợp nên chấp nhận.

[2] Theo bà T34 bày, trong thời gian từ cuối năm 2019 đến năm 2021, thì bà T7 làm chủ hội và có cho bà M4 gia 40 dây hội, nhưng nay bà T35 lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu xem xét giải quyết đối với dây hội 200.000đ/ngày cù 20 ngày với số tiền là 4.000.000đ. Quá trình chơi hội thì bà M13 hốt hội toàn bộ các dây hội nhưng đóng hội chết còn nợ lại số tiền 1.109.700.000đ, số tiền này bà T6 đóng thay cho bà M25 bà M16 hội lo cho kinh tế gia đình nên yêu cầu vợ chồng bà M27 trả lại cho bà T5 yêu cầu tính lãi. Bà M11 nhận có tham gia chơi hội do bà T13 chủ hội, nhưng đã đóng hội chỉ còn nợ khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ nên không đồng ý theo yêu cầu của bà T

Nhận thấy, việc bà M4 gia chơi hội là có thật và bà M11 nhận khi hốt hội và nhận tiền thì có ký tên vào các biên nhận tiền, nhưng trong 39 biên nhận thì bà M21 thừa nhận chữ ký tại các biên nhận của các dây hội ngày 22/3/2020â, ngày 25/12/2019 â, ngày 08/02/2020â, ngày 19/01/2020â, ngày 18/4/2020â và không có nhận tiền hội của các dây hội này. Tại kết luận giám định số 550/KL/KTHS ngày 01/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đã xác định chữ ký tại các biên nhận ngày 22/3/2020â, ngày 25/12/2019â, ngày 08/02/2020â, ngày 19/01/2020â, ngày 18/4/2020â là chữ ký của bà M Các nhân chứng như bà T4 bà S xác nhận bà M6 tham gia chơi hội. Tại phiên tòa phúc thẩm bà M22 không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh không có nhận tiền hốt hội khi ký biên nhận.

Xét đối với dây hội ngày 15/12/2020â: Bà M Thừa nhận có tham gia chơi dây hội này nhưng bà cho rằng giá trị của phần hội là 1.000.000đ là không có cơ sở. Bởi vì, bà M28 không có tham gia dây hội 10.000.000đ, tuy nhiên bà M11 nhận có ký tên vào biên nhận ngày 15/12/2020â nhưng không chứng minh được việc bà T36 nội dung biên nhận loại hội 10.000.000đ là không

đúng. Trong khi đó đây hội ngày 15/12/2020 đã được bà **Danh Thị Xuân Đ** Quách Thị Mỹ H và bà **Lê Thị C H** xác nhận bà **M6** tham gia và có ghi tên trong sổ hội là C ÚT(MAI + TRUNG), đồng thời bà **Đbà H** cho biết thêm là bà **M16** một phần và tại kỳ khai hội ngày 15/3/2021 là bà **M29** hội số tiền 1.500.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà **M28** không quen biết người làm chứng, không mâu thuẫn gì với người làm chứng và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời người làm chứng là không khách quan. Như vậy việc giao dịch dân sự về hội do bà **T13** chủ có lập sổ hội và danh sách hội viên trong đó có bà M(ghi tên là chị út) tham gia tổng cộng 39 đây hội là có cơ sở.

[3] Bà T yêu cầu vợ chồng bà **M18** số tiền 1.109.700.000đ thể hiện tại các biên nhận do bà **M30** tên nhận tiền hội khi hốt hội, nhưng đóng lại hội chết không đầy đủ nên bà **T37** thay cho bà **M31** đến khi mãn hội thì bà **M24** số tiền nêu trên. Khi hốt hội nếu bà **M32** cầu được lãnh tiền một lần đối với những đây hội bà **M4** gia từ hai phần hội trở lên, thì bà **T38** tiền của bà để giao luôn cho bà **M33** phần hội còn lại, vì vậy biên nhận giao tiền hội cho bà **M34** cách tính được thể hiện như nội dung đã ghi giao tiền hội là phù hợp và bà **Mbà T39** nhất góp hội theo ngày khai hội. Tuy nhiên việc bà **M35** hội chết thì không có làm biên nhận mà chỉ có bà **T40** ghi sổ theo dõi không có chữ ký hoặc chữ viết của bà **M36** sổ theo dõi của bà T, nay bà **M21** thừa nhận việc ghi chép số liệu theo tài liệu do bà **T41** cấp.

Bà **M31** rằng bà T đưa cho bà **M37** biên nhận để yêu cầu ký nhận số nợ còn lại là 300.000.000đ (bà **M21** ký tên), nhưng nay bà T khởi kiện yêu cầu trả số tiền hơn một tỷ đồng. Việc này bà T xác nhận là do bà **T42** hội chết (đóng thay hội chết) cho bà **M38** nhiều, nên bà **M39** nhờ bà **T29** vay người khác giùm để chàng hội chết cho bà **M40** vợ chồng bà **M21** đồng ý ký tên nên không có thực hiện. Tuy nhiên bà **M41** định chỉ còn nợ tiền hội khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ nhưng cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh.

Qua nội dung trên cho thấy, bà **T43** là bà **M21** thực hiện đóng hội chết đầy đủ nhưng do tin tưởng bà **M42** vẫn cho bà **M43** tục tham gia; thực tế bà **M6** tham gia 39 đây hội thể hiện tại các biên nhận tiền hội từ năm 2019 đến tháng 02 năm 2021. Nay bà **T44** rằng bà **M7** đóng hội chết từ ngày 19/5/2021 là, còn bà **M28** do dịch bệnh Covid 19 phải giãn cách xã hội theo quy định nên ngưng đóng hội từ tháng 5 năm 2021 là, vì vậy Tòa án cấp sơ

thẩm xác định những dây hui nào đã mất trước ngày 19/5/2021 thì được xác định là bà M13 thực hiện xong nghĩa vụ nên không chấp nhận yêu cầu của bà T3 phù hợp, bởi vì: Bà T45 bà M44 thống nhất ngày khai hui thì bà M6 đóng lại hui chết nhưng việc đóng tiền hui không làm biên nhận, đồng thời giữa bà T46 bà M21 thực hiện đối chiếu về việc bà M45 tiếp đóng hui chết hay là bà T là người đóng hui chết thay cho bà M46 ký xác nhận vào sổ theo dõi của bà T47 làm căn cứ chứng minh các dây hui đã mất này có việc bà T37 chàng hui chết và bà T46 bà M47 nhất không còn giao dịch nào khác. Cụ thể không chấp nhận yêu cầu của bà T48 bà M18 tiền hui gồm: Bốn dây hui 200.000đ khai ngày 04/11/2020, ngày 06/11/2020, ngày 19/02/2020, ngày 11/02/2020 và một dây hui 500.000đ khai ngày 08/11/2020. Thời gian từ ngày 19/5/2021 trở về sau được hai bên thống nhất là bà M7 đóng hui chết và bà T49 đóng chàng hui chết cho bà M42 chấp nhận yêu cầu của bà T45 buộc bà M23 có nghĩa vụ trả 34 dây hui còn lại số tiền là 836.800.000đ là có cơ sở.

[4] Đối với kháng cáo của ông Phan N1 T3 về việc không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền 836.800.000đ: Xét thấy ông T3 cho rằng ông là người lo kinh tế gia đình, thu nhập của ông từ việc làm thuê cho người khác (làm vườn) mỗi tháng từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ nhưng ông cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh. Đối với bà M48 cho rằng việc tham gia chơi hui là để buôn bán bánh tiêu nhỏ lẻ tại chợ xã là chưa phù hợp, đồng thời bà M11 nhận tiền hui không có sử dụng vào việc khác của cá nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T3 thừa nhận bà M22 không có sử dụng tiền để lo cho người thân như con chung của vợ chồng hay là anh em (cha mẹ chết) hoặc người nào khác. Mặt khác ông T3 xác nhận có gặp bà T47 hỏi bà M16 hui nợ bao nhiêu tiền và bà T7 đến nhà ông đòi nợ hui nhưng ông không đồng ý ký tên biên nhận nợ. Qua đó cho thấy tiền hui của bà M36 thời gian dài từ năm 2019 đến năm 2021 mục đích là sử dụng cho nhu cầu kinh tế chung của gia đình trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy nghĩa vụ vợ chồng cùng liên đới trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông T3 là không có cơ sở.

[5] Luật sư M49 T1 bảo vệ quyền lợi cho bà T50 nghị chấp nhận kháng cáo của bà T, buộc bà M25 ông Trung 1 đ. trách nhiệm trả cho bà T22 tiền 1.109.700.000đ là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Luật sư Cao M50 T2 bảo vệ quyền lợi cho bà M25 ông T3 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà M25 ông T51 nhận theo yêu cầu của bà M51 ý trả cho

3. Về án phí:

+ Bà **Nguyễn Ngọc M52** ông **Phan N1** T3 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 37.104.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng). Bà **Nguyễn Ngọc M52** ông **Phan N1** T3 mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ đã tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0009925 và số 0009924 cùng ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà **Trần Thanh T54** chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.645.000đ và tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền 22.734.000đ đã tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007272 ngày 21/01/2022 và biên lai thu số 0009901 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà **T55** được nhận lại 8.789.000đ.

4. Về chi phí giám định:

Chi phí giám định chữ ký là 13.890.000đ, bà **T6** nộp tạm ứng nên bà **M52** ông T3 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà **T22** tiền là 13.890.000đ (Mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng